

Số:

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả rà soát tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4943/UBND-KT ngày 13/10/2020 và hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại văn bản số 1309/UBND-TCCB ngày 07/10/2020 về việc rà soát tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả rà soát tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc huyện, Ban Dân tộc tỉnh như sau:

I. Khái quát tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung, Việt Nam, có 13 huyện, thị xã, thành phố (gồm 05 huyện đồng bằng, 05 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 01 thị xã và 01 thành phố); dân số 1.231.697 người, có trên 30 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống, trong đó có 03 DTTS chính là Hrê, Co và Cadong (Xơ Đăng) sống xen canh, xen cư. Đồng bào DTTS của tỉnh có **50.369 hộ** với **187.072 khẩu**, chiếm 15,18% dân số toàn tỉnh. Hầu hết các huyện, thành phố của tỉnh đều có đồng bào DTTS cư trú. Tuy nhiên, đồng bào DTTS sinh sống tập trung chủ yếu là khu vực miền núi, vùng cao của tỉnh, tại 5 huyện miền núi tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 99%. Đây là vùng đất có địa hình khá phức tạp, nhiều đồi núi cao hiểm trở, là địa bàn xung yếu cả về kinh tế và an ninh quốc phòng, là vùng căn cứ cách mạng của tỉnh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phấn đấu vươn lên của đồng bào các DTTS; vùng DTTS và miền núi của tỉnh đang từng ngày được thay đổi; kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục duy trì ổn định. Các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Qua đó, nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc với Đảng và Nhà nước; tăng cường cảnh giác, không để kẻ xấu lôi kéo, kích động, lợi dụng, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự trên vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Tuy nhiên, vùng DTTS và miền núi của tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bào

DTTS sinh sống ít, không tập trung; tập quán sản xuất còn manh mún, chậm thay đổi; phần lớn sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ chưa đúng với giá trị thực tế nên hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp thấp. Hệ thống giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hoá còn thấp, chủ yếu vẫn là đường đất. Mỗi DTTS (Hrê, Co, Cadong) hình thành những khu vực cư trú riêng, vẫn còn một bộ phận cư dân sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ ở địa bàn hiểm trở phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào DTTS của tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ khá cao (chiếm tỷ lệ 56,4% trong tổng hộ nghèo toàn tỉnh); an sinh xã hội giữa miền núi và đồng bằng có sự chênh lệch lớn, đời sống của các DTTS còn khó khăn về nhiều mặt; an ninh, trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc; học sinh bỏ học; tình trạng tảo hôn; tranh chấp, khiếu kiện đông người; khai thác lâm sản, khoáng sản trái pháp luật; xâm canh, xâm cư đất rừng phòng hộ, tranh chấp đất rừng xảy ra ở một số nơi,...

II. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 của Chính Phủ

1. Đối với Ban Dân tộc tỉnh

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Ban Dân tộc tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Trước 31/12/2011, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc được thực hiện theo Quyết định số 189/2004/QĐ-UBND ngày 17/8/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Thông tư số 246/2010/TTLT-UBND- BNV ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Dân tộc và Bộ nội vụ), gồm 03 phòng chức năng thuộc Ban: Văn phòng; Thanh tra Ban; Phòng Chính sách Dân tộc. Năm 2012, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc là 04 phòng (bổ sung phòng Kế hoạch - Tổng hợp theo Thông tư số 04/2010/TTLT-UBND- BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ và Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 2015, thực hiện theo Thông tư số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ và Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc hiện có là 05 phòng (bổ sung phòng Tuyên truyền và Địa bàn).

Cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của Ban Dân tộc tỉnh thay đổi cùng với sự thay đổi về chức năng nhiệm vụ của Ban Dân tộc được Nhà nước giao. Số lượng các phòng thuộc Ban đã tăng từ 03 phòng lên 5 phòng, trong khi đó biên

chế công chức được giao ổn định từ năm 2011 đến năm 2017 là 19 biên chế, đến năm 2018 giảm còn 18 biên chế, năm 2020 được giao 17 biên chế.

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, có đặc điểm quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, quản lý nhiều chính sách dân tộc trên địa bàn vùng DTTS và miền núi của tỉnh. Với chức năng nhiệm vụ được giao, trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của công chức Ban Dân tộc tỉnh hiện nay, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành. Tuy nhiên, về cơ cấu tổ chức và biên chế theo quy định hiện hành có một số vấn đề bất cập như số lượng phòng nhiều, biên chế ít (17 biên chế được bố trí cho Lãnh đạo Ban và 05 phòng), có phòng chỉ có 01 đến 02 biên chế. Việc cơ cấu nhiều phòng thuộc Ban làm cho bộ máy cồng kềnh, khó khăn trong việc lãnh đạo điều hành nhiệm vụ chuyên môn.

2. Đối với Phòng Dân tộc huyện

Phòng Dân tộc huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân huyện, được UBND tỉnh Quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác dân tộc. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban Nhân dân cấp huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc tỉnh.

Trong những năm qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện luôn được các cấp xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đã huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận cao trong xã hội và được sự hưởng ứng của người dân. Với nguồn lực đầu tư hàng năm được tăng lên, cùng với sự kết hợp lồng ghép một số chương trình, chính sách khác, bước đầu thực hiện đã có những chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển sản xuất, thay đổi tập quán canh tác; nâng cao ý thức cộng đồng, tương thân, tương ái, ý thức tự vươn lên; đời sống nhân dân được cải thiện, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số được củng cố, bảo đảm ổn định.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên vùng núi cao khó khăn, địa bàn rộng, hệ thống giao thông chưa thuận lợi, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường; điều kiện xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế nhiều mặt; đời sống của nhân dân vùng dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; công tác phối hợp của chính quyền, các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện chưa đồng bộ, biên chế của Phòng Dân tộc ít...nên công tác vận động, tuyên truyền, huy động nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực trong cộng đồng gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại.

III. Kết quả rà soát các tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc

1. Đối với các tiêu chí thành lập Ban Dân tộc tỉnh (*quy định tại tiết a, b, c, Điểm 2, Khoản 10, Điều 1, Nghị định 107/2020/NĐ-CP*).

1.1. *Có ít nhất 20.000 người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản*: Theo kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số (DTTS) ngày 01/10/2019, tỉnh Quảng Ngãi có 187.072 người DTTS, trong đó người DTTS sống tập trung thành cộng đồng làng, bản là khoảng 185.414 người.

1.2. *Có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển*: Theo số liệu kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số ngày 01/10/2019 trên địa bàn vùng DTTS và miền núi của tỉnh có 17.890 hộ đồng bào DTTS nghèo với khoảng 66.444 người và 6.643 hộ DTTS xếp loại cận nghèo với khoảng 24.672 người. Đây là đối tượng chính đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển. Ngoài ra, theo kết quả rà soát nhu cầu hỗ trợ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 có: 3.954 hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở; 4.000 hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở; 5.386 hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề; 30.414 hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt...

1.3. *Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại*:

- Về chỉ tiêu có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng: Trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh là địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng. Theo báo cáo của cơ quan chức năng vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có 17 xã thuộc địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng.

- Về địa bàn xen canh, xen cư: Nhiều thôn, khu dân cư của các xã thuộc các huyện miền núi các dân tộc thiểu số sống xen ghép lẫn nhau giữa các dân tộc thiểu số. Trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh là địa bàn giáp ranh với các tỉnh lân cận (Bình Định, Kon Tum và Quảng Nam) nên vẫn còn địa bàn xen canh, xen cư. Theo kết quả rà soát nhu cầu hỗ trợ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 có: 417 hộ có nhu cầu bố trí, sắp xếp hộ DTTS còn du canh, du cư; 581 hộ có nhu cầu bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tự do, vùng ĐBKK, vùng biên giới.

- Về tiêu chí có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không có vì các huyện miền núi của tỉnh không có biên giới với các nước láng giềng.

2. Các tiêu chí thành lập Phòng dân tộc huyện (*Quy định tại tiết a, b, Khoản 10, điều 1 của Nghị định 108/2020/NĐ-CP*): Qua rà soát của UBND các huyện có 05/05 huyện miền núi đảm bảo đủ tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc huyện, cụ thể như sau:

- Tất cả 05 huyện miền núi đều có xã thuộc địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; nhiều thôn, khu dân cư của các xã thuộc các huyện miền núi các dân tộc thiểu số sống xen ghép lẫn nhau giữa dân tộc này với dân tộc kia.

- Về tiêu chí có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển của từng huyện (chỉ tính riêng hộ nghèo và hộ cận nghèo) như sau:

+ Huyện Ba Tơ: Khoảng trên 22.000 người.

+ Huyện Minh Long: Khoảng trên 5.000 người (bao gồm các đối tượng khác ngoài hộ nghèo và cận nghèo như hộ chính sách, bảo trợ xã hội...).

+ Huyện Sơn Hà: Khoảng trên 23.000 người.

+ Huyện Sơn Tây: Khoảng trên 23.000 người.

+ Huyện Trà Bồng: Khoảng trên 30.000 người.

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Nhiệm vụ công tác dân tộc trong thời gian tới

a) Về phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng DTTS.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 05 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; đồng thời với Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn này.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả cao phù hợp với điều kiện sản xuất của đồng bào DTTS và miền núi. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của đồng bào DTTS.

Triển khai thực hiện tốt Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết số 88/2019/NQ/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS.

Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại trên vùng DTTS và miền núi; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống của đồng bào DTTS đi đôi với việc thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động là người DTTS theo đúng quy định và tăng cường công tác

kêu gọi, khuyến khích để thu hút vốn đầu tư cho vùng DTTS và miền núi từ các nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.

b) Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển toàn diện lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển văn hóa của đồng bào các DTTS.

Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS. Xây dựng hoàn thiện mạng lưới trường lớp các cấp và nhà công vụ cho giáo viên ở một số nơi cần thiết; đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh trong hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng đủ nhu cầu chỗ ở cho học sinh bán trú; hoàn thiện cơ sở vật chất để chuyển đổi các trường phổ thông thành trường phổ thông dân tộc bán trú và hoạt động đúng theo qui chế của trường dân tộc bán trú.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên là người DTTS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng công lập. Xây dựng cơ chế, chính sách sử dụng, tuyển dụng sinh viên là người DTTS sau khi tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học theo đúng quy định.

Từng bước đưa tiếng đồng bào DTTS vào giảng dạy và học tập ở các trường thuộc hệ thống giáo dục ở vùng DTTS và miền núi. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy và học của các trường dạy nghề, thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tập quán lao động sản xuất của vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển nguồn nhân lực bao gồm cán bộ khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, giáo dục, quy hoạch, bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS. Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp ở vùng DTTS.

Về Y tế, nhanh chóng có giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế ở các cấp xã, huyện. Thực hiện chính sách thu hút cán bộ y, bác sĩ về công tác ở vùng DTTS. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách BHYT về khám chữa bệnh cho người đồng bào DTTS. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh, chuồng trại theo tiêu chí Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư y tế dự phòng, duy trì và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y tá thôn; tuyên truyền vận động và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số trong vùng.

Tổ chức thực hiện tốt đề án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các DTTS; tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp tiến tới xóa bỏ những phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Tổ chức duy trì, thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nâng cao chất lượng và thời lượng phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào DTTS.

c) Về đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng

Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển hạ tầng vùng DTTS và miền núi của tỉnh như: đề án phát triển đô thị; đề án phát triển giao thông nông thôn theo tiêu chí về giao thông trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; đề án xây dựng và nâng cấp cải tạo hệ thống điện đến những nơi chưa có điện lưới quốc gia; đề án kiên cố hóa trường học và nhà công vụ cho giáo viên; đề án kiên cố hóa kênh mương, các công trình hồ, đập trên địa bàn vùng DTTS, phân đấu bê tông hóa toàn bộ hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn các huyện miền núi.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống mạng lưới y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa ở các cấp xã, huyện đảm bảo đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí nông thôn mới; phát triển hệ thống hạ tầng thông tin: bưu chính, viễn thông, internet đến hầu khắp các thôn vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh.

d) Về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh

Tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện tốt chủ trương đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS nhằm duy trì, củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay; tạo dựng sự đồng thuận cao, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào trong quá trình phát triển KT-XH của địa phương.

Chú trọng việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân vững chắc, chủ động nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, hợp tình, hợp lý những mâu thuẫn nội bộ; kiên quyết không để phát sinh các điểm nóng. Ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để lừa gạt và lôi kéo, kích động đồng bào DTTS.

Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS để tuyên truyền, vận động Nhân dân, đồng bào DTTS tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn địa bàn thôn, xóm. Đổi mới các hình thức tuyên truyền, tăng cường xây dựng, nhân rộng các mô hình kết nghĩa để tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa các địa bàn, các dân tộc trong vùng để phát triển KTXH và ổn định an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương và toàn bộ vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

Với những thành tựu đạt được rất quan trọng về phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi trong thời gian qua, trên cơ sở quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ của công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cùng với Nhân dân và đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh cùng nhau quán triệt quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và các chủ trương, chính sách dân tộc và tổ chức thực hiện tốt nhất các chương trình, chính sách đối với vùng DTTS và miền núi trên tinh thần “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”, tạo cho vùng DTTS và

miền núi của tỉnh trở thành một khu vực có các điều kiện đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt hơn, gần gũi hơn với các khu vực khác trong tỉnh nhưng vẫn gìn giữ được môi trường sinh thái tự nhiên bảo đảm cho sự phát triển bền vững không chỉ cho khu vực miền núi mà còn cho toàn bộ các khu vực khác của tỉnh.

IV. Kiến nghị

Kính đề nghị UBND tỉnh có kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương, Chính phủ tiếp tục quan tâm duy trì Ban Dân tộc tỉnh và Phòng Dân tộc huyện như hiện nay; tăng chỉ tiêu biên chế đối với Ban Dân tộc tỉnh cũng như Phòng Dân tộc các huyện.

Trên đây là báo cáo việc rà soát, đánh giá các tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc cấp huyện, cấp tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và số 108/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính Phủ, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHỈ TIÊU THÀNH LẬP BAN DÂN TỘC TỈNH VÀ
PHÒNG DÂN TỘC HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày tháng 10 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên đơn vị	Kết quả rà soát			Ghi chú
		Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Tiêu chí 03	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Ban Dân tộc tỉnh <i>(Quy định tại tiết a, b, c, Điểm 2, Khoản 10, Điều 1, Nghị định 107/2020/NĐ-CP)</i>	Đủ	Đủ	Đủ	
II	Phòng Dân tộc <i>(Quy định tại tiết a, b, Khoản 10, điều 1 của Nghị định 108/2020/NĐ-CP)</i>				
1	Huyện Ba Tơ	Đủ	Đủ		
2	Huyện Minh Long	Đủ	Đủ		
3	Huyện Sơn Hà	Đủ	Đủ		
4	Huyện Sơn Tây	Đủ	Đủ		
5	Huyện Trà Bồng	Đủ	Đủ		

BÁO CÁO

Kết quả rà soát tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc

Thực hiện Công văn số 1309/UBND-TCCB ngày 07/10/2020 về việc rà soát tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả rà soát tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và cấp tỉnh như sau:

I. Khái quát tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung, Việt Nam, có 13 huyện, thị xã, thành phố (gồm 05 huyện đồng bằng, 05 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 01 thị xã và 01 thành phố); dân số 1.231.697 người, có trên 30 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống, trong đó có 03 DTTS chính là Hrê, Co và Cadong (Xơ Đăng) sống xen canh, xen cư. Đồng bào DTTS của tỉnh có **50.369 hộ** với **187.072 khẩu**, chiếm 15,18% dân số toàn tỉnh. Hầu hết các huyện, thành phố của tỉnh đều có đồng bào DTTS cư trú. Tuy nhiên, đồng bào DTTS sinh sống tập trung chủ yếu là khu vực miền núi, vùng cao của tỉnh, tại 5 huyện miền núi tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm %. Đây là vùng đất có địa hình khá phức tạp, nhiều đồi núi cao hiểm trở, là địa bàn xung yếu cả về kinh tế và an ninh quốc phòng, là vùng căn cứ cách mạng của tỉnh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phấn đấu vươn lên của đồng bào các DTTS; vùng DTTS và miền núi của tỉnh đang từng ngày được thay đổi; kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục duy trì ổn định. Các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Qua đó, nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc với Đảng và Nhà nước; tăng cường cảnh giác, không để kẻ xấu lôi kéo, kích động, lợi dụng, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự trên vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Tuy nhiên, vùng DTTS và miền núi của tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bào DTTS sinh sống ít, không tập trung; tập quán sản xuất còn manh mún, chậm thay đổi; phần lớn sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ chưa đúng với giá trị thực tế nên hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp thấp. Hệ thống giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hoá còn thấp, chủ yếu vẫn là đường đất. Mỗi DTTS (Hrê, Co, Cadong) hình thành những khu vực cư trú riêng, vẫn còn một bộ phận cư dân sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ ở địa bàn hiểm trở phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào DTTS của tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ khá cao (chiếm tỷ lệ 56,4% trong tổng hộ nghèo toàn tỉnh); an sinh xã hội giữa miền núi và đồng bằng có sự chênh lệch lớn, đời sống của các DTTS còn khó khăn về nhiều mặt; an ninh, trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc; học sinh bỏ học; tình trạng tảo hôn; tranh chấp, khiếu kiện đông người; khai thác lâm sản, khoáng sản trái pháp luật; xâm canh, xâm cư đất rừng phòng hộ, tranh chấp đất rừng xảy ra ở một số nơi,...

II. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 của Chính Phủ

1. Đối với Ban Dân tộc tỉnh

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Ban Dân tộc tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Trước 31/12/2011, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc được thực hiện theo Quyết định số 189/2004/QĐ-UBND ngày 17/8/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Thông tư số 246/2010/TTLT-UBND- BNV ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Dân tộc và Bộ nội vụ), gồm 03 phòng chức năng thuộc Ban: Văn phòng; Thanh tra Ban; Phòng Chính sách Dân tộc. Năm 2012, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc là 04 phòng (bổ sung phòng Kế hoạch - Tổng hợp theo Thông tư số 04/2010/TTLT-UBND- BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ và Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 2015, thực hiện theo Thông tư số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ và Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc hiện có là 05 phòng (bổ sung phòng Tuyên truyền và Địa bàn).

Cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của Ban Dân tộc tỉnh thay đổi cùng với sự thay đổi về chức năng nhiệm vụ của Ban Dân tộc được Nhà nước giao. Số

lượng các phòng thuộc Ban đã tăng từ 03 phòng lên 5 phòng, trong khi đó biên chế công chức được giao ổn định từ năm 2011 đến năm 2017 là 19 biên chế, đến năm 2018 giảm còn 18 biên chế, hiện nay còn 17 biên chế.

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, có đặc điểm quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, quản lý nhiều chính sách dân tộc trên địa bàn vùng DTTS và miền núi của tỉnh. Với chức năng nhiệm vụ được giao, trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của công chức Ban Dân tộc tỉnh hiện nay, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành. Tuy nhiên, về cơ cấu tổ chức và biên chế theo quy định hiện hành có một số vấn đề bất cập như số lượng phòng nhiều, biên chế ít (17 biên chế được bố trí cho Lãnh đạo Ban và 05 phòng), có phòng chỉ có 01 đến 02 biên chế. Việc cơ cấu nhiều phòng thuộc Ban làm cho bộ máy công kênh, khó khăn trong việc lãnh đạo điều hành nhiệm vụ chuyên môn.

2. Đối với Phòng Dân tộc huyện

Phòng Dân tộc huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân huyện, được UBND tỉnh Quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác dân tộc. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban Nhân dân cấp huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc tỉnh.

Trong những năm qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện luôn được các cấp xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đã huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận cao trong xã hội và được sự hưởng ứng của người dân. Với nguồn lực đầu tư hàng năm được tăng lên, cùng với sự kết hợp lồng ghép một số chương trình, chính sách khác, bước đầu thực hiện đã có những chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển sản xuất, thay đổi tập quán canh tác; nâng cao ý thức cộng đồng, tương thân, tương ái, ý thức tự vươn lên; đời sống nhân dân được cải thiện, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu được củng cố, bảo đảm ổn định.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên vùng núi cao khó khăn, địa bàn rộng, hệ thống giao thông chưa thuận lợi, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường; điều kiện xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế nhiều mặt; đời sống của nhân dân vùng dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; công tác phối hợp của chính quyền, các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện chưa đồng bộ, biên chế của Phòng Dân tộc ít...nên công tác vận động, tuyên truyền, huy

động nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực trong cộng đồng gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại.

III. Kết quả rà soát các tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc

1. Đối với các tiêu chí thành lập Ban Dân tộc tỉnh (*quy định tại tiết a, b, c, Điểm 2, Khoản 10, Điều 1, Nghị định 107/2020/NĐ-CP*).

1.1. *Có ít nhất 20.000 người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản*: Theo kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số (DTTS) ngày 01/10/2019, tỉnh Quảng Ngãi có 187.072 người DTTS, trong đó người DTTS sống tập trung thành cộng đồng làng, bản là khoảng 185.414 người.

1.2. *Có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển*: Theo số liệu kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số ngày 01/10/2019 trên địa bàn vùng DTTS và miền núi của tỉnh có 17.890 hộ đồng bào DTTS nghèo với khoảng 66.444 người và 6.643 hộ DTTS xếp loại cận nghèo với khoảng 24.672 người. Đây là đối tượng chính đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển. Ngoài ra, theo kết quả rà soát nhu cầu hỗ trợ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 có: 3.954 hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở; 4.000 hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở; 5.386 hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề; 30.414 hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt...

1.3. *Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại*:

- Về chỉ tiêu có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng: Trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh là địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng. Theo báo cáo của cơ quan chức năng vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có 17 xã thuộc địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng.

- Về địa bàn xen canh, xen cư: Nhiều thôn, khu dân cư của các xã thuộc các huyện miền núi các dân tộc thiểu số sống xen ghép lẫn nhau giữa dân tộc này với dân tộc kia. Trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh là địa bàn giáp ranh với các tỉnh lân cận (Bình Định, Kon Tum và Quảng Nam) nên vẫn còn địa bàn xen canh, xen cư. Theo kết quả rà soát nhu cầu hỗ trợ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 có: 417 hộ có nhu cầu bố trí, sắp xếp hộ DTTS còn du canh, du cư; 581 hộ có nhu cầu bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tự do, vùng ĐBKK, vùng biên giới.

- Về tiêu chí có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không có vì trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh không có biên giới với các nước láng giềng.

2. Các tiêu chí thành lập Phòng dân tộc huyện (*Quy định tại tiết a, b, Khoản 10, điều 1 của Nghị định 108/2020/NĐ-CP*): Qua rà soát của UBND các huyện có 05/05 huyện miền núi đảm bảo đủ tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc huyện, cụ thể như sau:

- Tất cả 05 huyện miền núi đều có xã thuộc địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; nhiều thôn, khu dân cư của các xã thuộc các huyện miền núi các dân tộc thiểu số sống xen ghép lẫn nhau giữa dân tộc này với dân tộc kia.

- Về tiêu chí có ít nhất 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển của từng huyện (chỉ tính riêng hộ nghèo và hộ cận nghèo) như sau:

+ Huyện Ba Tơ: Khoảng trên 22.000 người.

+ Huyện Minh Long: Khoảng trên 5.000 người (bao gồm các đối tượng khác ngoài hộ nghèo và cận nghèo như hộ chính sách, bảo trợ xã hội...).

+ Huyện Sơn Hà: Khoảng trên 23.000 người.

+ Huyện Sơn Tây: Khoảng trên 23.000 người.

+ Huyện Trà Bồng: Khoảng trên 30.000 người.

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Nhiệm vụ công tác dân tộc trong thời gian tới

a) Về phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng DTTS.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 05 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; đồng thời với Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn này.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả cao phù hợp với điều kiện sản xuất của đồng bào DTTS và miền núi. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của đồng bào DTTS.

Triển khai thực hiện tốt Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết số 88/2019/NQ/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS.

Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại trên vùng DTTS và miền núi; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống của đồng bào DTTS đi đôi với việc thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động là người DTTS theo đúng quy định và tăng cường công tác kêu gọi, khuyến khích để thu hút vốn đầu tư cho vùng DTTS và miền núi từ các nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.

b) Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển toàn diện lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển văn hóa của đồng bào các DTTS.

Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS. Xây dựng hoàn thiện mạng lưới trường lớp các cấp và nhà công vụ cho giáo viên ở một số nơi cần thiết; đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh trong hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng đủ nhu cầu chỗ ở cho học sinh bán trú; hoàn thiện cơ sở vật chất để chuyển đổi các trường phổ thông thành trường phổ thông dân tộc bán trú và hoạt động đúng theo qui chế của trường dân tộc bán trú.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên là người DTTS thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng công lập. Xây dựng cơ chế, chính sách sử dụng, tuyển dụng sinh viên là người DTTS sau khi tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học theo đúng quy định.

Từng bước đưa tiếng đồng bào DTTS vào giảng dạy và học tập ở các trường thuộc hệ thống giáo dục ở vùng DTTS và miền núi. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy và học của các trường dạy nghề, thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tập quán lao động sản xuất của vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển nguồn nhân lực bao gồm cán bộ khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, giáo dục, quy hoạch, bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS. Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp ở vùng DTTS.

Về Y tế, nhanh chóng có giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế ở các cấp xã, huyện. Thực hiện chính sách thu hút cán bộ y, bác sĩ về công tác ở vùng DTTS. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách BHYT về khám chữa bệnh cho người đồng bào DTTS. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh, chuồng trại theo tiêu chí Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư y tế dự phòng, duy trì và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y tá thôn; tuyên truyền vận động và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số trong vùng.

Tổ chức thực hiện tốt đề án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các DTTS; tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp tiến

tới xóa bỏ những phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Tổ chức duy trì, thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nâng cao chất lượng và thời lượng phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào DTTS.

c) Về đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng

Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển hạ tầng vùng DTTS và miền núi của tỉnh như: đề án phát triển đô thị; đề án phát triển giao thông nông thôn theo tiêu chí về giao thông trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; đề án xây dựng và nâng cấp cải tạo hệ thống điện đến những nơi chưa có điện lưới quốc gia; đề án kiên cố hóa trường học và nhà công vụ cho giáo viên; đề án kiên cố hóa kênh mương, các công trình hồ, đập trên địa bàn vùng DTTS, phân đầu bê tông hóa toàn bộ hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn các huyện miền núi.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống mạng lưới y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa ở các cấp xã, huyện đảm bảo đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí nông thôn mới; phát triển hệ thống hạ tầng thông tin: bưu chính, viễn thông, internet đến hầu khắp các thôn vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh.

d) Về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh

Tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện tốt chủ trương đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS nhằm duy trì, củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay; tạo dựng sự đồng thuận cao, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào trong quá trình phát triển KT-XH của địa phương.

Chú trọng việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân vững chắc, chủ động nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, hợp tình, hợp lý những mâu thuẫn nội bộ; kiên quyết không để phát sinh các điểm nóng. Ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để lừa gạt và lôi kéo, kích động đồng bào DTTS.

Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS để tuyên truyền, vận động Nhân dân, đồng bào DTTS tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn địa bàn thôn, xóm. Đổi mới các hình thức tuyên truyền, tăng cường xây dựng, nhân rộng các mô hình kết nghĩa để tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa các địa bàn, các dân tộc trong vùng để phát triển KTXH và ổn định an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương và toàn bộ vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

Với những thành tựu đạt được rất quan trọng về phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi trong thời gian qua, trên cơ sở quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ của công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ công nghiệp

hóa, hiện đại hóa, các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cùng với Nhân dân và đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh cùng nhau quán triệt quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và các chủ trương, chính sách dân tộc và tổ chức thực hiện tốt nhất các chương trình, chính sách đối với vùng DTTS và miền núi trên tinh thần “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”, tạo cho vùng DTTS và miền núi của tỉnh trở thành một khu vực có các điều kiện đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt hơn, gần gũi hơn với các khu vực khác trong tỉnh nhưng vẫn gìn giữ được môi trường sinh thái tự nhiên bảo đảm cho sự phát triển bền vững không chỉ cho khu vực miền núi mà còn cho toàn bộ các khu vực khác của tỉnh.

IV. Kiến nghị

Kính đề nghị các bộ, ngành Trung ương, Chính phủ tiếp tục quan tâm duy trì Ban Dân tộc tỉnh và Phòng Dân tộc huyện như hiện nay; tăng chỉ tiêu biên chế đối với Ban Dân tộc tỉnh cũng như Phòng Dân tộc các huyện.

Trên đây là báo cáo việc rà soát, đánh giá các tiêu chí thành lập cơ quan công tác dân tộc cấp huyện, cấp tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và số 108/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính Phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Ủy ban Dân tộc tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, LĐTĐ&XH;
- VPUB: CVP, PCVP(KT), TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHỈ TIÊU THÀNH LẬP BAN DÂN TỘC TỈNH VÀ
PHÒNG DÂN TỘC HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên đơn vị	Kết quả rà soát			Ghi chú
		Tiêu chí 01	Tiêu chí 02	Tiêu chí 03	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Ban Dân tộc tỉnh <i>(Quy định tại tiết a, b, c, Điểm 2, Khoản 10, Điều 1, Nghị định 107/2020/NĐ-CP)</i>	Đủ	Đủ	Đủ	
II	Phòng Dân tộc <i>(Quy định tại tiết a, b, Khoản 10, điều 1 của Nghị định 108/2020/NĐ-CP)</i>				
1	Huyện Ba Tơ	Đủ	Đủ		
2	Huyện Minh Long	Đủ	Đủ		
3	Huyện Sơn Hà	Đủ	Đủ		
4	Huyện Sơn Tây	Đủ	Đủ		
5	Huyện Trà Bồng	Đủ	Đủ		

